

## UNIT 7 – SPORTS

### Dạng bài: Nghe và điền từ vào chỗ trống

Bài tập:

Nghe và điền một từ vào mỗi chỗ trống.

1. Tom loves playing \_\_\_\_\_.
2. He plays with his \_\_\_\_\_ every Saturday.
3. Anna likes \_\_\_\_\_.
4. She goes to the \_\_\_\_\_ with her dad.

## UNIT 8 – PEOPLE AND PLACES

### Dạng bài: Nghe và khoanh tròn Đúng (T) hoặc Sai (F)

Bài tập:

Nghe đoạn văn và đánh dấu T (True) hoặc F (False).

1. Mai lives in a city. \_\_\_\_
2. There are mountains near her house. \_\_\_\_
3. She goes to school by bus. \_\_\_\_
4. She crosses a river to get to school. \_\_\_\_

## UNIT 9 – HOLIDAYS AND TRAVEL

### Dạng bài: Nghe và nối câu

Bài tập:

Nghe và nối mỗi câu bên trái với thông tin đúng ở bên phải.

**A**

**B**

1. Ben went to... a. seafood at a restaurant

**A**

**B**

- |                      |                |
|----------------------|----------------|
| 2. He swam in...     | b. many photos |
| 3. He took...        | c. Da Nang     |
| 4. His family ate... | d. the sea     |

## **UNIT 10 – PERFORMING ARTS**

### **Dạng bài: Nghe và trả lời câu hỏi (ghi ngắn)**

Bài tập:

Nghe và trả lời các câu hỏi sau.

1. What are the students preparing for?
2. What does Linh play?
3. What is Nam learning?
4. When is the show?